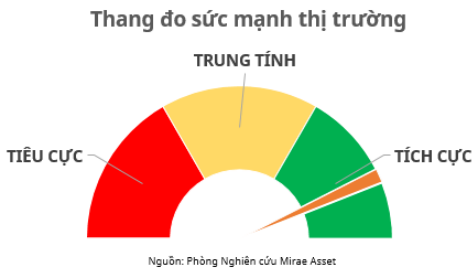


14 Tháng Năm 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn



Nhận định thị trường

Xu hướng hồi phục được duy trì, VN-Index hướng về đỉnh lịch sử tại 1.286

VN-Index tiếp tục diễn biến hồi phục trong tuần và có tuần thứ 2 liên tiếp tăng điểm sau nhịp điều chỉnh trong khoản thời gian 20/04 – 29/04 khi chỉ số giảm từ vùng đỉnh lịch sử 1.286 về sát mốc 1.200. Sau 5 phiên giao dịch, VN-Index đã có 3 phiên tăng so với 2 phiên giảm và ghi nhận mức tăng 24,5 điểm (+1,98%). Thị trường đã có diễn biến giằng co khi chỉ số chạm các ngưỡng 1.260 (11/05) và 1.270 (13/05) tuy nhiên chỉ số đã sớm có lại sự cân bằng và tăng điểm ngay phiên sau đó.

MSN là cổ phiếu ảnh hưởng lớn nhất đến VN-Index, với mức tăng 13,8% cổ phiếu này đã giúp chỉ số tăng 4,1 điểm. Nhóm cổ phiếu Ngân hàng tiếp tục có tuần chiếm nhiều vị trí nhất trong top 10 mã ảnh hưởng lớn đến chỉ số với 6/10 vị trí. Ở chiều tiêu cực, VIC đã giảm 5,1% kéo VN-Index giảm 6 điểm.

Khối ngoại có tuần bán ròng mạnh với tổng giá trị bán ròng vượt 3.500 tỷ đồng. HPG dẫn đầu danh sách bán ròng của khối ngoại với giá trị bán ròng trên 1.000 tỷ đồng, tiếp sau đó là CTG với giá trị bán ròng 900 tỷ đồng, NVL xếp thứ 3 với giá trị bán ròng 459 tỷ đồng. Chiều mua ròng VPB dẫn đầu danh sách mua ròng với giá trị 350 tỷ đồng.

Dù diễn biến khá giằng co trong tuần nhưng các phiên tăng đều tỏ ra vượt trội so với các phiên giảm. Trong tuần khi dòng thép có dấu hiệu điều chỉnh thì dòng Ngân hàng và Chứng khoán đã được mua mạnh và thay thế vai trò dẫn dắt xu hướng. Trong tuần VN-Index đã kiểm định vùng hỗ trợ 1.250 sau đó tiếp tục xu hướng hồi phục, diễn biến này đang củng cố khả năng duy trì nhịp hồi phục lên mức đỉnh 1.286 điểm. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của VN-Index đang ở mức **+6 (KHẢ QUAN)**.

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	6	KHẢ QUAN
VN30	6	KHẢ QUAN
VN30F1M	4	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	3	TRUNG TÍNH
Kospi	-6	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-6	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-4	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,266.36	1.98	0.84	52.13
HNX	294.72	5.31	-0.04	164.71
UPCOM	81.00	0.18	-2.88	51.46
MSCI EM	1,292.78	-4.14	-3.28	43.50
NIKKEI	28,084.47	-4.34	-5.19	41.02
HANG SENG	28,027.57	-2.04	-3.02	17.62
KOSPI	3,153.32	-1.37	-0.91	63.81
FTSE	7,015.31	-1.60	1.09	22.19
S&P 500	4,112.50	-2.12	-0.29	44.17
NASDAQ	13,124.99	-3.73	-5.29	46.75

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.27	2.56	15.05
SET INDEX	32.01	1.64	5.52
JCI INDEX	26.69	1.51	4.44
PCOMP INDEX	26.47	1.54	6.11

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.16	0	-1	-89
10 năm	2.36	-1	-5	-57

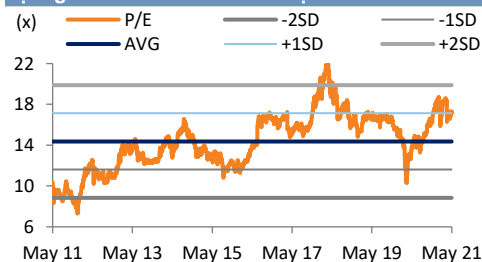
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,052	0.06	0.11	1.35
US\$/KRW	1,129	-0.66	-1.08	8.79
US\$/JPY	109	-0.64	-0.34	-1.88
US\$/EUR	0.83	0.39	-1.14	-10.83
US\$/GBP	0.71	-0.56	-2.05	-13.04
US\$/SGD	1.33	-0.74	0.10	6.65

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	871	799	405
HNX	119	103	53
UPCOM	36	36	25

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Bản tin tuần

Thị trường trái phiếu:

- Trong tuần, tổng cộng 10.500 tỷ đồng TPCP đã được phát hành thành công, tỷ lệ thành công đạt 100% bao gồm cả phát hành lần đầu và phát hành bổ sung. Tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu cũng tăng lên 3,7 lần từ mức 2,2 lần của tuần trước. Cụ thể, toàn bộ 1.500 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 5 năm đã được phát hành tại mức lợi suất 1,16% (+0bps); Toàn bộ 5.000 tỷ đồng TPCP kỳ hạn 10 năm được phát hành tại mức lợi suất 2,35% (-2bps); Kỳ hạn 15 cũng phát hành thành công 2.500 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,59% (+1bps) và kỳ hạn 30 năm thành công 1.500 tỷ đồng tại mức lợi suất 3,05% (+0bps)
- Ngày 19/05 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 8.500 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 5 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 5.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; và (4) kỳ hạn 20 năm có giá trị 500 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Trong tuần 05 – 12/05, lãi suất liên ngân hàng tiếp tục tăng ở hầu hết các kỳ hạn trừ kỳ hạn 6 tháng. Cụ thể các kỳ hạn O/N, 1 tuần, 2 tuần, 1 tháng và 3 tháng tăng lần lượt tăng lên các mức 1,23% (+9bps), 1,4% (+9bps), 1,37% (+16bps), 1,42% (+17bps) và 2,31% (+64bps). Trong khi đó chiều ngược lại kỳ hạn 6 tháng đã giảm 8bps về mức 2,68%.
- **Tỷ giá VND/USD** tại ngày 14/5/21 của NHNN đã giảm 0,013% về mức 23.176 VND/USD. Tương tự tỷ giá NHTM đã giảm 0,131% ở cả chiều mua và giảm 0,043% ở chiều bán về mức 22.920 – 23.150 VND/USD. Trong khi đó tỷ giá tự do giảm 0,556% chiều mua và 0,64% chiều bán về mức 23.250 – 23.300.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

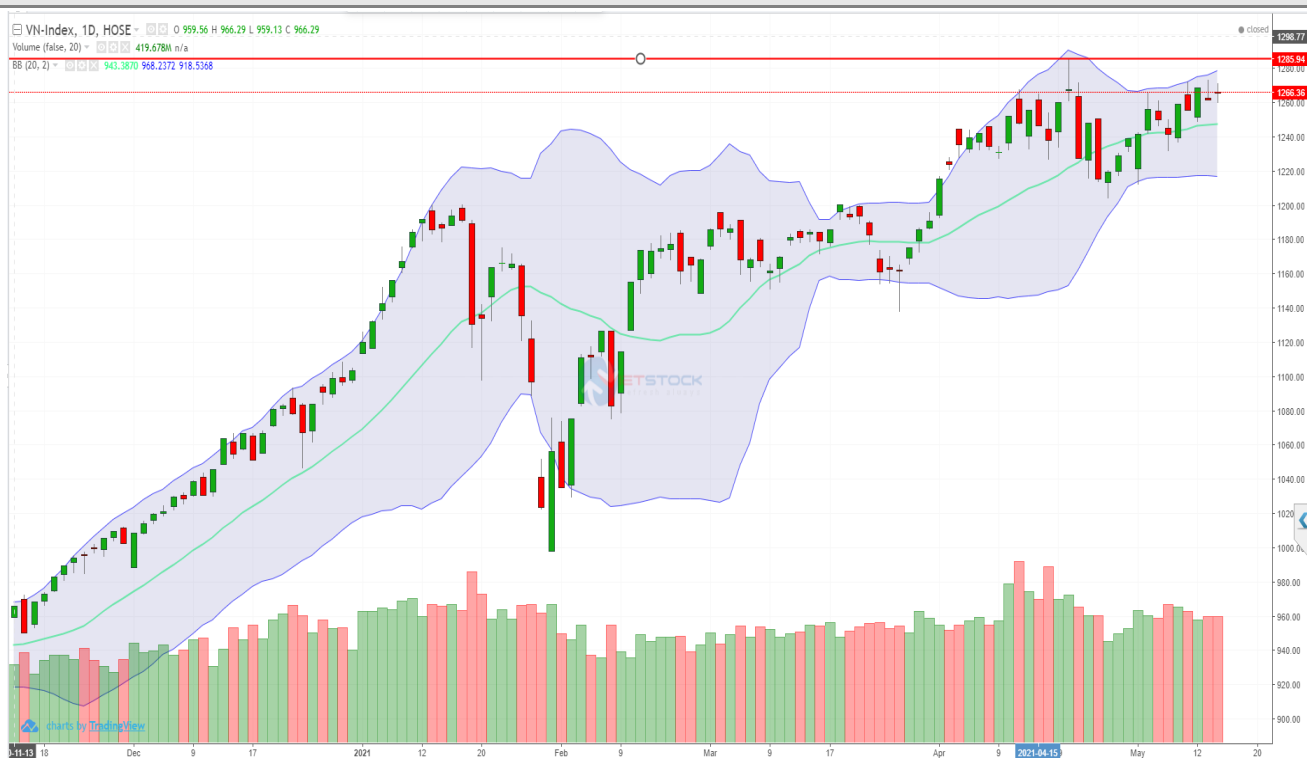
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	6	KHẢ QUAN
VN30	6	KHẢ QUAN
VN30F1M	4	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Giá trị	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (07/05/2021)	1,266.4	Kháng cự 1	1.300
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2	1.350
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 1	1.200
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 2	1.150

VN-Index tiếp tục duy trì ở trên ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn quanh ngưỡng MA 20 ngày. Xu hướng hồi phục tiếp tục được củng cố tạo cơ hội hướng đến ngưỡng 1.286

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

Nhận định phái sinh

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (14/05/2021)	1.374	Kháng cự 1 1.380
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2 1.400
VN30 – đóng cửa	1.380	Hỗ trợ 1 1.350
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-6.0	Hỗ trợ 2 1.300

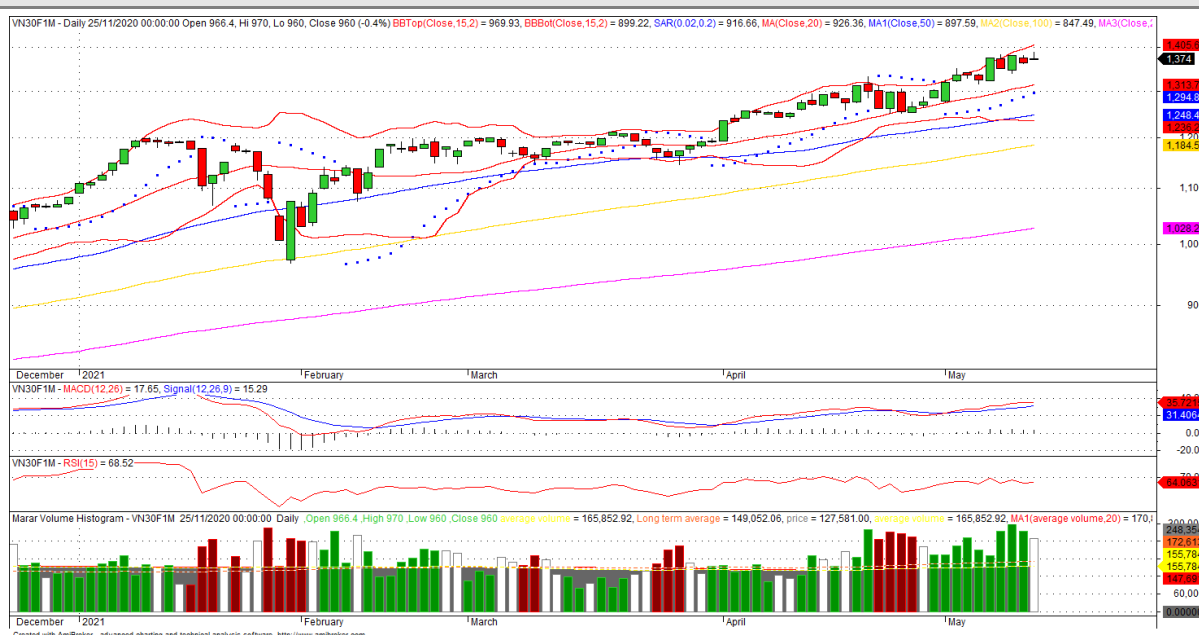
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	4	TRUNG TÍNH

Với diễn biến giao dịch đi ngang ở vùng đỉnh trong hầu hết thời gian giao dịch trong tuần qua, chúng tôi đánh giá VN30F1M sẽ tiếp tục tích lũy ở quanh vùng giá này trước khi break đỉnh và chạm kháng cự mới.

Ngoài ra tuần sau hợp đồng phái sinh VN30FF2105 sẽ được đáo hạn vì vậy biến động mạnh và rủi ro sẽ có đối với nhà đầu tư. Vì vậy chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư nên đứng ngoài quan sát xu hướng và không nên mở vị thế mới

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	+ Long	n/a
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	+ Take profit (Chốt lời)	n/a

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Finpro

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	15.55	5,113,585	-6	TIÊU CỰC	3,448	11.1	0.9
ACB	36.45	9,091,190	5	KHẢ QUAN	78,789	9.1	2.1
AMD	6.75	11,523,870	-6	TIÊU CỰC	1,104	44.9	0.6
ART	10.3	6,466,935	5	KHẢ QUAN	998	38.2	0.9
BID	42.35	3,022,935	6	KHẢ QUAN	170,332	20.7	2.2
BSR	15.5	11,231,415	6	KHẢ QUAN	48,058	#N/A N/A	1.5
BVH	55.8	958,540	-2	TRUNG TÍNH	41,422	21.9	2.0
CEO	9.9	4,214,320	4	KHẢ QUAN	2,548	#N/A N/A	0.9
CII	20.7	2,390,980	4	KHẢ QUAN	4,944	372.0	1.0
CTG	47	18,733,004	7	KHẢ QUAN	175,000	9.9	1.9
CTR	77.8	456,335	-5	TIÊU CỰC	5,585	20.0	5.3
DBC	55.5	1,739,210	2	TRUNG TÍNH	5,814	4.0	1.3
DCM	17.65	2,645,405	7	KHẢ QUAN	9,344	15.7	1.5
DGC	66.8	922,280	2	TRUNG TÍNH	11,428	12.1	2.8
DGW	131	351,790	7	KHẢ QUAN	5,633	17.1	4.5
DHC	100	302,145	0	TRUNG TÍNH	5,600	11.9	3.8
DIG	28.6	3,664,860	7	KHẢ QUAN	10,020	13.1	2.1
DLG	2.86	10,786,510	-4	TIÊU CỰC	856	#N/A N/A	0.4
DXG	24.35	8,167,730	6	KHẢ QUAN	12,620	#N/A N/A	1.9
EIB	27.3	1,315,805	0	TRUNG TÍNH	33,564	38.3	2.0
FIT	10.05	3,499,690	-2	TRUNG TÍNH	2,560	37.6	0.8
FLC	12.25	32,416,084	3	TRUNG TÍNH	8,697	6.3	0.9
FPT	84.8	2,444,300	4	KHẢ QUAN	66,917	18.0	4.0
GAS	84.1	848,670	2	TRUNG TÍNH	160,963	21.3	3.2
GEX	25.65	5,085,890	-7	TIÊU CỰC	12,523	12.2	1.7
GMD	35.7	2,590,220	2	TRUNG TÍNH	10,759	28.7	1.8
GVR	26.3	3,334,170	6	KHẢ QUAN	105,200	24.1	2.2
HAG	5.57	10,317,485	4	KHẢ QUAN	5,166	#N/A N/A	1.1
HAH	27.3	1,332,760	2	TRUNG TÍNH	1,294	10.0	1.2
HAI	5.15	7,865,220	-2	TRUNG TÍNH	941	132.5	0.5
HAP	13.4	2,349,705	0	TRUNG TÍNH	743	17.0	1.1
HBC	15.5	4,804,295	0	TRUNG TÍNH	3,579	40.4	1.0
HCM	35.4	4,661,810	7	KHẢ QUAN	10,798	14.4	2.3
HDB	31.2	6,316,075	7	KHẢ QUAN	49,726	10.1	2.0
HDG	42.85	948,195	7	KHẢ QUAN	6,611	6.1	2.0
HNG	11	10,895,380	2	TRUNG TÍNH	12,194	468.5	1.4
HPG	61.4	28,276,570	0	TRUNG TÍNH	203,436	11.2	3.1
HPX	34.55	940,590	6	KHẢ QUAN	9,138	84.7	2.8
HQC	3.55	23,674,890	-2	TRUNG TÍNH	1,692	237.3	0.4
HSG	36.8	14,193,455	0	TRUNG TÍNH	16,362	7.0	2.0
IDC	34.3	2,086,005	4	KHẢ QUAN	10,290	32.8	2.8
IJC	26.5	2,193,425	6	KHẢ QUAN	5,753	8.7	1.7
ITA	7.24	16,928,170	-4	TIÊU CỰC	6,793	32.7	0.6
KBC	35.4	4,924,645	-5	TIÊU CỰC	16,630	21.6	1.6
KDC	51.1	1,165,480	0	TRUNG TÍNH	11,689	38.0	2.0
KDH	37.25	5,170,955	5	KHẢ QUAN	20,816	17.4	2.5
KLF	5.7	12,233,045	0	TRUNG TÍNH	943	#N/A N/A	0.5
KSB	27.6	1,165,005	2	TRUNG TÍNH	1,839	7.3	1.1
LCG	12.9	2,537,395	2	TRUNG TÍNH	1,487	4.2	0.8
LDG	7.2	7,027,670	-2	TRUNG TÍNH	1,724	156.5	0.6
LPB	23.35	17,404,236	7	KHẢ QUAN	25,093	11.1	1.7
MBB	33	19,480,170	4	KHẢ QUAN	92,359	9.1	1.8

MBS	26.8	1,821,445	6	KHẢ QUAN	4,404	12.9	2.0
MSN	108.1	3,280,915	5	KHẢ QUAN	126,983	84.4	7.9
MWG	142.5	1,181,265	-1	TRUNG TÍNH	67,749	15.7	3.9
NKG	30.55	6,128,035	2	TRUNG TÍNH	5,255	9.2	1.5
NLG	38.15	2,403,465	2	TRUNG TÍNH	10,883	9.5	1.6
NVB	17.8	5,627,975	1	TRUNG TÍNH	7,241	5,974.6	1.7
NVL	134.1	2,694,535	-2	TRUNG TÍNH	145,061	32.0	4.6
PDR	72	3,822,740	-4	TIÊU CỰC	35,048	26.7	6.6
PET	21.6	1,744,530	4	KHẢ QUAN	1,805	11.7	1.1
PHR	52.4	748,020	6	KHẢ QUAN	7,100	7.4	2.2
PLX	54.8	1,660,205	7	KHẢ QUAN	68,161	18.8	2.9
PNJ	94.2	626,015	-6	TIÊU CỰC	21,418	18.9	3.7
POW	12.25	12,223,890	0	TRUNG TÍNH	28,688	11.8	1.0
PVD	20.1	5,525,110	6	KHẢ QUAN	8,465	130.7	0.6
PVS	21.5	7,982,585	6	KHẢ QUAN	10,276	15.6	0.8
PVT	16.5	2,766,200	0	TRUNG TÍNH	5,340	7.2	1.1
REE	56	650,340	6	KHẢ QUAN	17,307	9.7	1.5
ROS	7.55	40,375,604	1	TRUNG TÍNH	4,285	235.5	0.7
S99	20.6	1,762,710	-6	TIÊU CỰC	1,080	5.3	1.4
SAB	154.9	201,440	0	TRUNG TÍNH	99,334	20.5	5.0
SBT	20.2	2,948,290	4	KHẢ QUAN	12,467	17.9	1.6
SCR	8.14	4,891,945	-2	TRUNG TÍNH	2,982	16.9	0.6
SHB	28.6	21,332,784	5	KHẢ QUAN	55,071	16.5	2.2
SHI	25.75	1,636,010	3	TRUNG TÍNH	2,346	30.9	2.1
SHS	30.1	7,741,200	7	KHẢ QUAN	6,239	6.4	1.7
SMC	40.5	1,015,705	4	KHẢ QUAN	2,467	4.9	1.4
SSI	35.3	13,412,925	7	KHẢ QUAN	22,799	12.7	2.0
STB	26.4	43,986,240	7	KHẢ QUAN	47,616	17.7	1.6
TCB	48.65	16,242,625	4	KHẢ QUAN	170,514	11.9	2.2
TCH	22.5	5,304,850	2	TRUNG TÍNH	8,425	8.8	1.6
TIG	14.6	2,216,700	-2	TRUNG TÍNH	1,327	15.4	1.3
TLH	19.2	3,269,230	2	TRUNG TÍNH	1,932	25.4	1.2
TNG	20.8	1,503,300	-2	TRUNG TÍNH	1,654	11.1	1.3
TPB	31.95	6,066,220	6	KHẢ QUAN	32,961	8.4	1.8
TSC	14.2	4,740,435	4	KHẢ QUAN	2,097	124.6	1.3
TTF	7.04	6,748,790	0	TRUNG TÍNH	2,191	#N/A N/A	#N/A N/A
VCB	96.9	1,984,900	-6	TIÊU CỰC	359,390	17.0	3.6
VCI	73.3	1,808,845	7	KHẢ QUAN	12,138	12.9	2.5
VHM	97.2	5,897,730	-6	TIÊU CỰC	319,741	12.3	3.5
VIB	62.3	1,028,250	7	KHẢ QUAN	69,115	13.2	3.6
VIC	125.3	2,292,495	-7	TIÊU CỰC	423,819	57.6	5.3
VIX	28	8,400,645	-6	TIÊU CỰC	3,576	5.3	1.7
VJC	117.9	556,150	-6	TIÊU CỰC	63,856	52.3	4.2
VND	41	5,855,615	2	TRUNG TÍNH	8,795	7.6	2.0
VNM	89.5	4,813,015	-2	TRUNG TÍNH	187,051	19.1	6.0
VPB	66.6	22,266,190	7	KHẢ QUAN	163,486	14.4	2.9
VPI	34	1,319,270	-6	TIÊU CỰC	6,800	22.3	2.5
VRE	30.65	6,972,620	-7	TIÊU CỰC	69,647	26.1	2.3

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Chứng khoán châu Á tăng, nhiều thị trường phục hồi sau phiên giảm sâu

Chỉ số MSCI châu Á – Thái Bình Dương không gồm Nhật Bản tăng 0,74%.

Tại Nhật Bản, Nikkei 225 tăng 1,43% còn Topix tăng 1,24%.

Thị trường Trung Quốc tăng từ đầu phiên với Shanghai Composite tăng 0,3% còn Shenzhen Component tăng 0,355%. Hang Seng của Hong Kong tăng 0,64%.

Chỉ số Kospi của Hàn Quốc tăng 0,78%.

ASX 200 của Australia tăng 0,74%.

Nhà đầu tư tiếp tục theo dõi tình hình Covid-19 tại Ấn Độ, với hơn 4.000 ca tử vong vì đại dịch ngày 13/5.

'Huyết mạch' nhiên liệu Mỹ tái hoạt động, giá dầu mất 3%

Giá dầu Brent tương lai giảm 2,27 USD, tương đương 3,3%, xuống 67,05 USD/thùng.

Giá dầu WTI tương lai giảm 2,26 USD, tương đương 3,4%, xuống 63,82 USD/thùng.

Đây là phiên giảm mạnh nhất của cả hai loại dầu kể từ đầu tháng 4.

Giá dầu chịu áp lực trong bối cảnh thị trường hàng hóa nói chung tăng giá, thiếu lao động và số liệu cho thấy chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tại Mỹ tăng vượt dự báo, đẩy lên lo ngại lạm phát sẽ khiến Fed buộc phải tăng lãi suất.

"Giá dầu thô giảm khi nhà đầu tư dè dặt theo tiêu chu kỳ của hàng hóa", Edward Moya, nhà phân tích thị trường cấp cao tại OANDA, nói. "Lo ngại lạm phát khiến một số nhà đầu tư chốt lời, rút khỏi cuộc chơi".

Hệ thống ống dẫn nhiên liệu Colonial Pipeline hoạt động trở lại sau gần một tuần phải đóng cửa vì bị tấn công mạng, gây ra tình trạng khan hiếm xăng tại nhiều bang, từ Virginia cho đến Florida.

Thị trường năng lượng còn chịu áp lực khi tình hình Covid-19 tại Ấn Độ, quốc gia nhập khẩu dầu thô lớn thứ ba thế giới, chưa có dấu hiệu cải thiện

Đề xuất hạn chế xuất khẩu thép

Ngoài yêu cầu doanh nghiệp thép tăng công suất sản xuất, Bộ Công Thương tính hạn chế xuất khẩu loại thép mà trong nước có nhu cầu.

Trước việc giá thép tăng phi mã, Bộ Công Thương cho biết sẽ kiến nghị Chính phủ kiểm soát xuất khẩu với các loại thép trong nước đang có nhu cầu và tháo gỡ khó khăn cho các dự án đầu tư sản xuất thép sớm đưa vào hoạt động. Đồng thời, cơ quan này đề nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính có chính sách điều tiết thuế nhập khẩu với một số mặt hàng thép có biến động lớn về giá.

Riêng về đề xuất áp dụng thuế nhập khẩu với thép thành phẩm, ông Trương Bá Tuấn - Phó Vụ trưởng Chính sách thuế (Bộ Tài chính) cho rằng, cần cân nhắc, tính toán cẩn trọng trong bối cảnh hiện tại.

Ông phân tích, hiện để hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước, thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi (MFN) đối với nguyên liệu để sản xuất thép đang được quy định ở mức thấp là 0-3% tùy nhóm mã hàng.

Với thuế nhập khẩu thép thành phẩm, hiện mặt hàng thép xây dựng (thép hình, thép góc) áp thuế suất ưu đãi 15% và 20% với thép dạng thanh que. Những mặt hàng này nhập khẩu chủ yếu từ thị trường Trung Quốc và Ấn Độ.

Bên cạnh đó, Việt Nam đang là thành viên của 14 Hiệp định thương mại tự do, mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt tại một số Hiệp định này đối với các mặt hàng thép xây dựng tương đối thấp như Hiệp định ASEAN (ATIGA), Việt Nam-Nhật Bản (VJFTA), Việt Nam- Hàn Quốc (VKFTA)...

Thay vì điều tiết thuế nhập khẩu, Phó vụ trưởng Vụ Chính sách thuế gợi ý, nên xem xét điều chỉnh chính sách thuế tự vệ với phôi thép và các sản phẩm thép xây dựng trong giai đoạn hiện nay, giúp giảm giá thành nguyên liệu đầu vào cho doanh nghiệp sản xuất thép.

Hiện mức thuế tự vệ với phôi thép nhập khẩu là 13,3% và sẽ giảm về 11,3% vào 22/3/2022. Với sản phẩm thép dài, mức thuế này áp dụng cho từng giai đoạn, hiện là 7,9% và sẽ giảm về 6,4% vào tháng 3/2022.

WSJ: Nhờ đâu Việt Nam vượt nhiều nước lớn, trở thành nguồn nhập khẩu thứ 6 của Mỹ?

Gần 2/3 tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc - tương đương khoảng 370 tỷ USD hàng năm - bị Mỹ áp thuế trong năm 2018 và 2019. Theo phân tích của Wall Street Journal từ dữ liệu Trade Data Monitor, hiện chỉ một nửa hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc sang Mỹ, tương đương với 250 tỷ USD hàng năm, bị áp thuế. Điều này là do nhiều doanh nghiệp Mỹ đã chuyển hướng sang mua tại các thị trường khác.

Giai đoạn 2018-2019, Mỹ đã áp các khoản thuế đối với hàng hóa nhập khẩu của Trung Quốc, nhằm mục đích thúc đẩy hoạt động sản xuất tại các nhà máy trong nước. Song, việc "tái hỗ trợ sản xuất" này được đánh giá là không tạo ra tác động đáng kể, khi hàng loạt doanh nghiệp lại chuyển hướng tìm nhà cung cấp tại các nước châu Á khác.

Đáng chú ý, Việt Nam là quốc gia được hưởng lợi lớn nhất trong xu hướng này. Hiện Việt Nam đứng thứ 6 toàn cầu về nhập khẩu vào Mỹ, trong khi đó năm 2018, quốc gia này còn ở vị trí thứ 12.

Ông Craig Allen, Chủ tịch Hội đồng kinh doanh Mỹ - Trung nhận định: "Nếu mục tiêu là giảm nhập khẩu từ Trung Quốc, việc áp thuế quan đã có tác dụng. Tuy nhiên, nếu mục tiêu là tạo thêm việc làm trong lĩnh vực sản xuất tại Mỹ, thì điều này hiện vẫn chưa xảy ra. Còn nếu là tăng nhập khẩu từ các quốc gia châu Á, hay tăng việc làm trong ngành chế tạo tại Việt Nam, thì mục tiêu này cũng đã thành công".

Thủ tướng ủng hộ tăng tỷ lệ ngân sách để lại cho TP HCM

Thủ tướng khẳng định "ủng hộ tối đa" kiến nghị của thành phố về điều chỉnh tỷ lệ điều tiết ngân sách, vừa khuyến khích, vừa nâng cao trách nhiệm của địa phương. Chính phủ phối hợp với TPHCM và các cơ quan liên quan đề xuất với cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Với nguồn ngân sách tăng thêm, thành phố cần tập trung cho 3 đột phá chiến lược, ưu tiên tập trung cho đầu tư phát triển hạ tầng, nhất là các dự án trọng điểm.

Nội dung này được Thủ tướng Phạm Minh Chính nói tại buổi làm việc với lãnh đạo TP HCM ngày 13/5. Đây là địa phương đầu tiên được Chính phủ chọn làm việc sau khi kiện toàn nhân sự.

Huy động nguồn năng lượng tái tạo tăng hơn 150% trong 4 tháng đầu năm

Theo EVN, sản lượng điện sản xuất toàn hệ thống tháng 4/2021 đạt 22,19 tỷ kWh, đạt 101,7% kế hoạch. Lũy kế 4 tháng đạt 80,67 tỷ kWh, tăng 6,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó tỷ lệ huy động nguồn của thủy điện đạt 18,39 tỷ kWh, tăng 59,3% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 22,8% tổng sản lượng điện sản xuất toàn hệ thống.

Tuy nhiên, số liệu cập nhật của EVN cũng cho thấy việc huy động nguồn từ nhiệt điện than, tua bin khí, nhiệt điện dầu và điện nhập khẩu đều giảm so với cùng kỳ năm 2020.

Cụ thể, nhiệt điện than huy động đạt 41,48 tỷ kWh, giảm 8,7% so với cùng kỳ năm 2020 nhưng vẫn chiếm 51,4% tổng sản lượng điện sản xuất toàn hệ thống. Tua bin khí đạt 10,55 tỷ kWh, giảm 16,4% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 13,1% tổng sản lượng điện sản xuất toàn hệ thống; nhiệt điện dầu huy động không đáng kể, đạt 2 triệu kWh và điện nhập khẩu đạt 481 triệu kWh, giảm 62,5% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 0,6% tổng sản lượng điện sản xuất toàn hệ thống.

Đáng chú ý, NLTT (điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối) huy động đạt 9,5 tỷ kWh, tăng 156,9% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 11,8% tổng sản lượng điện sản xuất toàn hệ thống. Trong đó, riêng điện mặt trời huy động đạt 8,73 tỷ kWh, tăng gần 3 lần so với cùng kỳ.

TOP 10 ngân hàng cho vay khách hàng nhiều nhất cuối quý I/2021

Tính đến 31/3/2021, hai ngân hàng có dư nợ cho vay lớn nhất là BIDV, VietinBank đều có tăng trưởng tín dụng ở mức thấp hơn mặt bằng, lần lượt tăng 1,59% và 0,18% lên mức hơn

1,23 triệu tỷ và gần 1,02 triệu tỷ đồng. Vietcombank đứng kế sau đó với 871.938 tỷ đồng, tăng 3,83%.

Trong kỳ, Sacombank đã soạn ngôi ngân hàng tư nhân có quy mô cho vay khách hàng lớn nhất của SCB nhờ tăng trưởng 4,91% lên 356.975 tỷ đồng, trong khi dư nợ cho vay của SCB lại gần như không có thay đổi gì.

Ngoài ra, TOP 10 ngân hàng có số dư cho vay khách hàng lớn nhất tính đến cuối quý I/2021 còn gồm ACB, MB, SHB, VPBank và Techcombank.

Tổng số dư cho vay của 10 ngân hàng này chiếm tới 79% tổng cho vay của các ngân hàng khảo sát.

SHB lãi quý I gấp đôi cùng kỳ, tỷ lệ bao phủ nợ xấu về dưới 60%

Trong quý I, SHB ghi nhận thu nhập lãi thuần 2.225 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ năm trước. Thu từ dịch vụ và kinh doanh ngoại hối tăng lần lượt 13% và 19% lên 126,6 tỷ đồng và 53,5 tỷ đồng.

Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và hoạt động khác tăng đột biến lên 52 tỷ đồng và 94,8 tỷ đồng, trong khi quý I/2020 chỉ gần 2 tỷ đồng và 6 tỷ đồng. Khoản chứng khoán đầu tư của ngân hàng tăng 36% lên gần 38.900 tỷ đồng, chủ yếu tăng ở chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế phát hành từ 10.505 tỷ đồng tăng lên 17.923 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, chi phí hoạt động trong kỳ giảm 17%, xuống 890,6 tỷ đồng, đẩy lợi nhuận thuần tăng 113% đạt 1.664 tỷ đồng. Trong quý đầu, ngân hàng không trích lập dự phòng tín dụng, do đó lợi nhuận trước thuế giữ nguyên 1.664 tỷ đồng, tương đương 27% kế hoạch cao nhất của ngân hàng năm 2021.

Tại phiên họp thường niên 2021, SHB được thông qua hai kế hoạch kinh doanh tùy thuộc vào lộ trình tăng vốn. Trường hợp hoàn thành phát hành cổ phiếu ra công chúng trong quý III, lợi nhuận trước thuế năm 2021 đặt mục tiêu đạt 6.128 tỷ đồng, tăng 88% so với năm 2020. Trường hợp hoàn thành trong quý IV, lợi nhuận dự kiến là 5.828 tỷ đồng, tăng 78% so với năm 2020.

Kinh Bắc được giao thêm đất đầu tư KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh

UBND tỉnh Bắc Ninh vừa có quyết định về việc giao đất cho Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP (Kinh Bắc, Mã: KBC) thuê để xây dựng và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp (KCN) Nam Sơn - Hạp Lĩnh, tại phường Nam Sơn, TP Bắc Ninh (đợt 3).

Cụ thể, Kinh Bắc được giao gần 1,3 ha đất (đã thực hiện xong bồi thường, giải phóng mặt bằng (hơn 10.734 m² đất trồng lúa; hơn 2.018 m² đất giao thông, thủy lợi; gần 60 m² đất bằng chưa sử dụng). Thời hạn thuê đất đến ngày 26/5/2060.

Trước đó, UBND tỉnh Bắc Ninh đã hai lần giao đất với tổng diện tích hơn 124 ha cho Kinh Bắc để thực hiện đầu tư xây dựng và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật KCN nói trên.

Theo Báo cáo thường niên 2020 của Kinh Bắc, KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh, có tổng diện tích 300 ha, diện tích đất thương phẩm là 204,1 ha, đã đền bù 185 ha.

Dragon Capital đã bán 8,4 triệu cổ phiếu CII trong một tháng qua

Từ ngày 7/4 đến ngày 11/5, Dragon Capital đã bán ra tổng cộng tới 8,4 triệu cổ phiếu CII. Động thái liên tục thoái vốn khỏi CII của nhóm quỹ này diễn ra trong bối cảnh giá cổ phiếu giảm mạnh từ đầu tháng 4.

Amersham Industries Limited, quỹ thành viên thuộc Dragon Capital vừa thông tin bán ra 1,45 triệu cổ phiếu CII của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trong phiên 11/5.

Sau giao dịch, Dragon Capital giảm tỷ lệ sở hữu tại CII từ 8,24% xuống 7,63% vốn điều lệ, tương đương nắm giữ hơn 18,2 triệu cổ phiếu CII. Trong khi đó, Amersham Industries Limited giảm tỷ lệ sở hữu xuống 4,3% và hiện là quỹ thành viên nắm giữ lượng cổ phiếu CII lớn nhất trong nhóm Dragon Capital.

Tạm tính theo giá 21.050 đồng/cp chốt phiên 11/5, ước tính Dragon Capital đã thu về khoảng 30,5 tỷ đồng.

Petrolimex sẽ bán 25 triệu cổ phiếu quỹ từ ngày 24/5

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Mã: PLX) vừa công bố thời gian bán 25 triệu cổ phiếu quỹ là từ ngày 24/5 đến ngày 22/6.

Phương thức giao dịch là thông qua khớp lệnh trên sàn HOSE. Nguyên tắc xác định giá là theo quy định của sàn HOSE.

Nếu giao dịch thành công, Petrolimex sẽ giảm lượng cổ phiếu quỹ xuống còn hơn 25 triệu cổ phiếu. Mục đích của việc bán cổ phiếu quỹ là nhằm bổ sung nguồn vốn kinh doanh, đầu tư phát triển.

Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý I, tại ngày 31/3, giá trị của hơn 50 triệu cổ phiếu quỹ là hơn 500 tỷ đồng, tương ứng với giá mua bình quân khoảng 10.000 đồng/cp.

Ông Nghiêm Xuân Thành: Lợi nhuận của Vietcombank quý 1 đạt hơn 8.000 tỷ đồng, tăng 70% so với cùng kỳ

Tại đại hội cổ đông thường niên diễn ra ngày 23/4 của Vietcombank, ông Nghiêm Xuân Thành, chủ tịch Hội đồng quản trị ngân hàng cho biết, trong năm 2021 ngân hàng đạt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận hợp nhất 11%, trong đó riêng ngân hàng mẹ là 25.000 tỷ.

Hết quý 1, lợi nhuận của ngân hàng, tính cả phí upfront bảo hiểm với FWD, đã đạt trên 8.000 tỷ đồng, tăng trưởng khoảng 70% so với cùng kỳ năm trước. Quý 1 ngân hàng tiếp tục tăng trưởng tín dụng 3,7% với quy mô tín dụng cao nhất hệ thống. Với nền tảng này, năm nay chắc chắn Vietcombank sẽ đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận.

Như vậy con số mà chủ tịch Vietcombank thông báo tới cổ đông hôm nay cao hơn nhiều so với con số 7.000 tỷ đồng vị này ước tính hồi đầu tháng 4 khi trao đổi với truyền thông.

Về các năm tới, chủ tịch Vietcombank cho biết ngân hàng đã đưa ra mục tiêu chiến lược là lợi nhuận 2 tỷ USD vào năm 2025, trong đó mảng bán lẻ sẽ đóng góp 50%. Mặc dù dịch bệnh nhưng ngân hàng vẫn kiên định mục tiêu này.

Lợi nhuận trước thuế quý I của Petrolimex vượt 1.000 tỷ đồng khi giá dầu leo cao

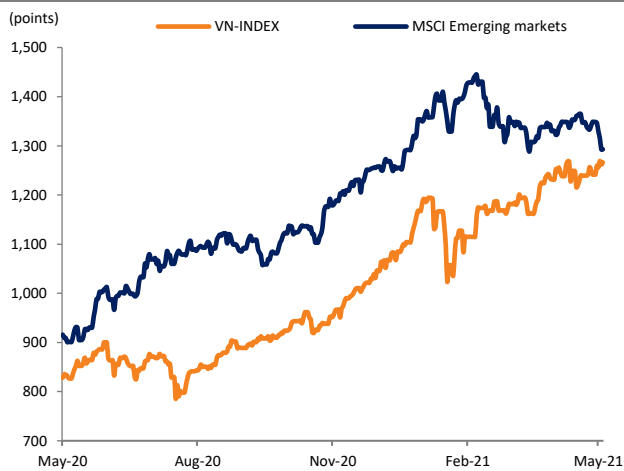
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex, mã: PLX) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý I/2021 với doanh thu thuần đạt 38.247 tỷ đồng, không nhiều thay đổi với cùng kỳ năm trước.

Trong kỳ, nhờ giá vốn hàng giảm mạnh hơn doanh thu nên lợi nhuận gộp của công ty gấp 7,5 lần cùng kỳ. Biên lợi nhuận gộp theo đó được cải thiện từ 1% lên 9%.

Cũng trong quý, Petrolimex đẩy mạnh hoạt động bán hàng và quản lý doanh nghiệp, số tiền chi ra hơn 2.603 tỷ đồng, tăng 20%.

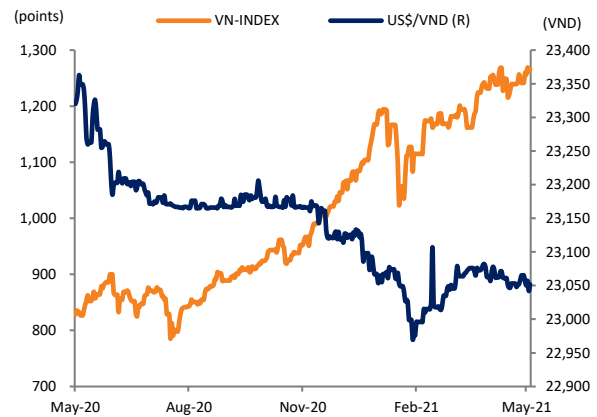
Kết thúc quý I, lợi nhuận trước thuế của công ty vượt 1.000 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ lỗ tới 1.703 tỷ đồng. Kết quả sau thuế chuyển từ lỗ 1.813 tỷ sang lãi sau thuế 736 tỷ đồng.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



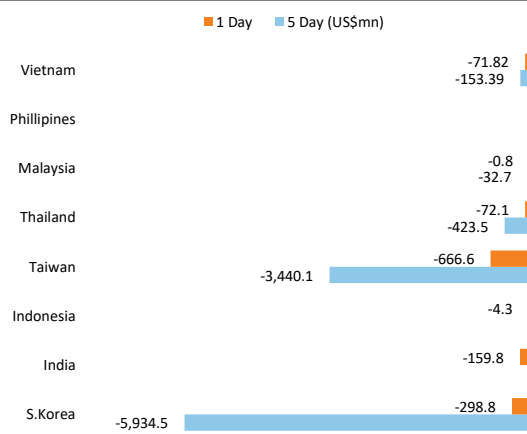
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



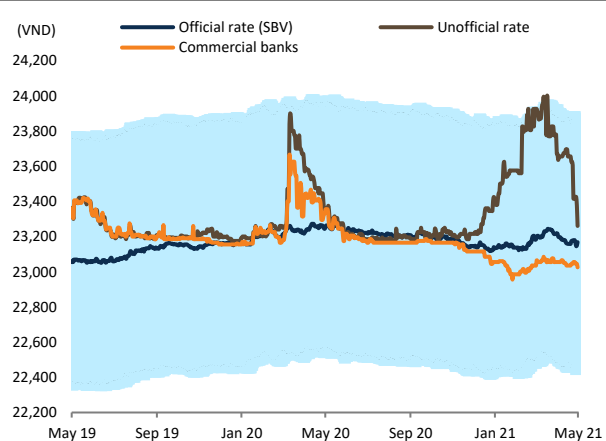
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



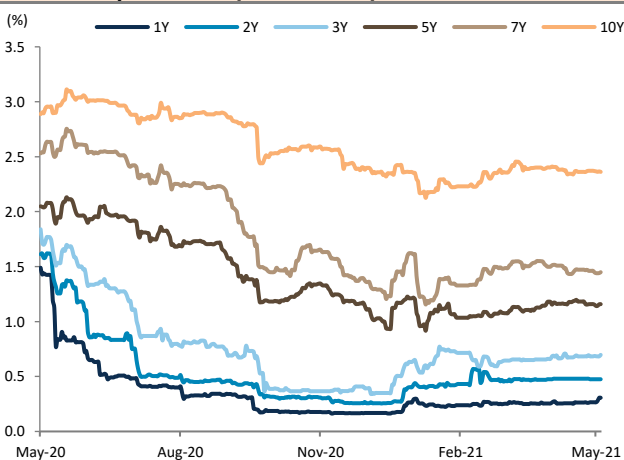
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



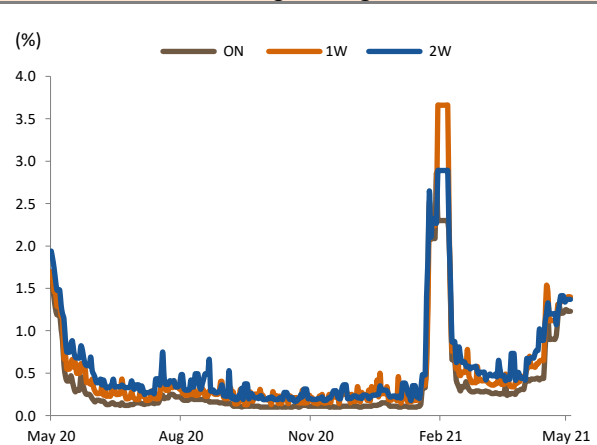
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,380.02	3,361,361		0.7	2.9	6.9	76.8	14.5	11.8	2.6	2.2	6.5	22.6	20.0	19.9
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	42,350	170,332	16.7	-0.6	4.2	-3.8	6.7	17.2	13.0	1.9	1.6	70.3	32.2	12.1	14.8
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	55,800	41,422	27.4	0.4	3.0	-8.1	12.3	23.9	20.6	2.0	1.8	12.2	16.0	8.3	9.3
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	47,000	175,000	25.7	1.1	7.3	9.9	120.1	10.3	9.3	1.7	1.5	24.6	9.8	19.7	19.7
CTCP FPT	FPT VN	84,800	66,917	49.0	1.0	2.2	4.7	74.1	16.8	14.2	3.6	3.2	22.6	18.2	24.6	25.9
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	84,100	160,963	2.5	-1.8	0.1	-2.8	17.6	15.9	15.3	3.1	2.9	31.0	4.2	19.3	19.7
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	31,200	49,726	17.3	3.0	4.0	11.8	123.8	9.1	7.7	1.9	1.6	28.2	19.0	20.4	20.5
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	61,400	203,436	29.8	-0.2	1.0	15.8	207.6	10.0	8.4	2.6	2.3	59.4	19.6	27.9	26.2
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	37,250	20,816	31.7	1.5	2.6	17.5	70.4	17.0	13.1	2.3	2.0	6.1	30.2	14.9	17.1
NHTMCP Quân đội	MBB VN	33,000	92,359	23.0	0.2	4.4	5.6	121.4	8.8	7.4	1.6	1.3	26.1	19.7	20.0	20.3
Tập đoàn Masan	MSN VN	108,100	126,983	32.9	5.0	13.8	7.3	69.2	48.3	27.1	6.7	5.4	112.2	78.3	13.8	20.5
CTCP Thế giới di động	MWG VN	142,500	67,749	49.0	1.8	1.6	5.2	71.7	13.6	10.8	3.3	2.8	21.3	25.2	27.6	27.8
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	134,100	145,061	7.7	0.1	-1.3	34.0	157.8	32.9	26.0	4.3	3.6	2.4	26.7	13.5	15.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	72,000	35,048	2.8	1.3	1.6	19.0	282.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	54,800	68,161	15.8	1.5	8.1	-0.7	20.2	20.5	16.5	2.9	2.8	289.7	24.1	16.6	17.4
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	94,200	21,418	49.0	-0.1	-1.4	3.0	48.1	17.2	13.5	3.7	3.0	27.3	27.6	22.7	23.9
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,250	28,688	3.4	0.4	1.2	-11.2	20.7	13.5	11.3	0.9	0.9	-9.2	19.1	7.4	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	56,000	17,307	49.0	1.8	-0.2	5.9	75.3	9.6	8.1	1.3	1.5	11.6	17.6	14.7	13.0
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	20,200	12,467	8.6	-2.7	4.4	-9.2	36.9	17.3	NA	1.5	NA	95.8	NA	8.0	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	35,300	22,799	46.0	0.7	8.0	-1.8	147.7	15.8	14.7	NA	NA	14.3	7.1	12.7	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	26,400	47,616	11.9	0.4	10.0	15.3	162.7	25.4	11.0	1.6	1.4	-16.8	132.0	9.7	13.5
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	48,650	170,514	22.5	1.4	3.4	16.4	137.3	11.0	9.4	1.9	1.6	26.4	16.4	19.0	18.4
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	22,500	8,425	10.8	2.3	2.7	-8.2	-2.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	31,950	32,961	30.0	1.4	9.8	7.8	78.7	7.9	6.1	1.6	1.3	18.3	30.3	23.5	23.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	96,900	359,390	23.4	0.1	-0.1	-1.8	27.5	16.8	13.6	3.0	2.6	29.1	23.3	20.6	21.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	97,200	319,741	22.5	0.2	0.1	-3.3	37.7	10.4	8.7	2.8	2.1	11.9	20.4	31.2	28.3
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	125,300	423,819	14.6	-0.9	-5.1	-10.5	30.5	58.3	43.2	4.6	4.1	27.2	35.0	8.1	10.4
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	117,900	63,856	19.0	0.8	-1.3	-10.7	3.4	57.1	20.2	3.8	3.0	1,476.7	182.7	5.2	18.8
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	89,500	187,051	55.1	-1.1	2.9	-9.9	-5.0	17.5	16.1	5.5	5.1	7.2	8.4	34.5	34.8
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	66,600	163,486	22.0	2.3	8.3	32.9	181.6	13.4	11.2	2.3	1.9	16.3	19.2	19.9	18.2
CTCP Vincom Retail	VRE VN	30,650	69,647	29.8	-0.8	-1.1	-12.4	27.4	24.5	19.6	2.2	2.0	19.6	24.9	9.3	10.5

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	24.55	4,731,186	0.3	2.0	0.8	52.1	15.5	12.6	2.5	2.2	11.3	22.8	18.6	18.7
Ô tô và phụ tùng	0.03	8,220	0.0	1.6	-1.2	39.4	6.1	5.7	1.1	1.0	32.2	7.3	11.9	11.3
Ngân hàng	17.47	1,558,049	1.0	4.5	8.9	74.2	12.7	10.1	2.1	1.7	29.6	21.2	18.3	18.7
Xây dựng cơ bản	0.48	175,987	0.5	1.3	-3.2	76.5	5.7	4.1	0.4	0.4	3.8	36.1	5.2	6.0
Dịch vụ thương mại	-0.01	4,347	0.1	-0.7	-7.1	14.9	6.0	4.8	NA	NA	31.9	26.2	11.0	12.9
May mặc và trang sức	-0.02	42,374	-0.4	-0.1	-0.7	156.8	13.6	11.2	2.8	2.3	31.8	23.6	19.4	18.7
Dịch vụ tiêu dùng	-0.05	8,308	-0.1	-2.0	-12.1	23.8	10.8	3.7	NA	NA	NA	NA	3.4	9.0
Dịch vụ tài chính	1.28	64,429	1.6	8.5	0.2	137.0	11.6	5.2	0.4	NA	9.5	7.1	10.0	4.5
Năng lượng	1.45	84,888	0.9	7.0	-2.4	30.7	20.1	15.3	2.5	2.4	NA	30.9	14.4	15.2
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	6.00	508,809	0.8	4.9	-5.1	21.9	23.8	16.6	4.6	4.0	44.3	30.9	22.0	23.5
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	879	-2.4	2.0	-9.2	38.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.01	1,873	-0.2	1.0	-2.4	-5.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.36	48,370	0.2	2.9	-6.2	13.3	21.3	18.4	1.7	1.6	12.1	15.9	7.7	8.6
Nguyên vật liệu	3.18	438,600	-0.3	3.0	8.3	157.7	12.4	11.8	2.0	1.3	46.1	6.7	18.9	17.4
Giải trí và truyền thông	-0.01	1,692	-1.2	-1.1	-9.8	-24.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.13	34,404	0.7	-3.5	-4.0	74.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-6.30	1,191,684	0.2	-1.4	-1.8	18.2	8.9	7.7	1.6	1.5	13.5	12.9	9.3	9.6
Bán lẻ	0.22	76,068	-0.2	-1.9	-0.9	62.1	29.7	22.5	3.1	2.7	23.0	30.1	14.3	14.9
Phần mềm và dịch vụ	0.42	71,137	1.4	1.2	4.5	67.9	12.7	10.1	3.0	2.6	34.6	24.8	25.2	25.4
Thiết bị và phần cứng	0.14	5,633	1.1	2.3	4.3	72.1	15.8	13.4	3.4	3.0	26.1	18.7	23.1	24.3
Dịch vụ viễn thông	0.02	1,217	6.5	10.1	9.7	390.6	14.4	12.0	3.8	3.1	46.8	20.0	27.0	27.7
Vận tải	-0.17	159,820	2.8	6.1	-10.6	275.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	0.18	246,110	0.2	-0.3	-8.8	18.8	25.2	10.0	4.3	3.5	NA	66.7	-18.2	10.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
MSN VN	108,100	13.8	3,158,920	4.1
VPB VN	66,600	8.3	32,831,040	3.3
CTG VN	47,000	7.3	22,317,800	3.2
BID VN	42,350	4.2	3,583,420	1.8
GVR VN	26,300	6.0	3,998,700	1.6
TCB VN	48,650	3.4	18,227,420	1.5
VNM VN	89,500	2.9	4,616,560	1.4
PLX VN	54,800	8.1	2,253,020	1.4
STB VN	26,400	10.0	47,764,820	1.2
VIB VN	62,300	6.1	1,143,460	1.1

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	125,300	-5.1	1,597,440	-6.0
NVL VN	134,100	-1.3	2,403,920	-0.5
BCM VN	54,400	-2.5	96,320	-0.4
VJC VN	117,900	-1.3	534,440	-0.2
LGC VN	58,200	-6.7	780	-0.2
VRE VN	30,650	-1.1	5,405,020	-0.2
BHN VN	64,100	-3.9	5,540	-0.2
ABS VN	41,950	-13.9	265,420	-0.1
KBC VN	35,400	-2.7	5,151,260	-0.1
VCB VN	96,900	-0.1	1,433,080	-0.1

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.